bù luò

部落

noun · tribe

Example Sentences

Zhè ge bù luò shēng huó zài sēn lín lǐ
这个部落 生 活在森林里。

This tribe lives in the forest.

Bù luò shǒu lǐng zhào jí le suǒ yǒu rén
部落 首 领 召 集了所有人。

The tribal chief gathered everyone.

Trace each character, then write the word on your own.

部 部 部 部 部 部 部 部 部 部 部
部 部

落 落 落 落 落 落 落 落 落 落 落
落 落 落 落